

Số: 699 /QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 24 tháng 9 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh kinh phí chuyển nguồn các dự án thuộc nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh, vốn đầu tư công khác do địa phương quản lý năm 2015 sang năm 2016 tiếp tục thực hiện và thanh toán

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Điều 142 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

Căn cứ Nghị quyết số 166/NQ-HĐND ngày 30/3/2016 của Hội đồng nhân tỉnh khóa X- kỳ họp thứ 13 về danh mục các dự án thuộc nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh, vốn đầu tư công khác do địa phương quản lý năm 2015 kéo dài sang năm 2016 tiếp tục thực hiện và thanh toán.

Theo Quyết định số 255/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh về việc nguồn các dự án thuộc nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh, vốn đầu tư công khác do địa phương quản lý năm 2015 sang năm 2016.

Theo công văn số 875/UBND-KTTH ngày 11/3/2016 của UBND tỉnh về quy trình, thủ tục kéo dài đối với các khoản vốn đầu tư do địa phương quản lý.

Xét đề nghị của Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư và Kho Bạc nhà nước tỉnh tại tờ trình số 212/TTr:TC-KHĐT-KBNN ngày 22/9/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh số kinh phí chuyển nguồn các dự án thuộc nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh, vốn đầu tư công khác do địa phương quản lý năm 2015 sang năm 2016 tiếp tục thực hiện và thanh toán từ 36.790.300.000 đồng giảm còn 32.380.429.000 đồng (theo báo cáo quyết toán vốn ĐTXDCB niên độ ngân sách nhà nước năm 2015 ngày 30/5/2016 của Kho bạc nhà nước tỉnh), cụ thể như sau:

1/ Nguồn vốn cân đối ngân sách tỉnh : 18.729.195.000 đồng.

2/ Nguồn vốn tăng thu kết dư : 13.050.304.000 đồng.

3/ Nguồn vốn sử dụng đất : 600.930 đồng.


(Có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2.

1/ Sở Tài chính lập thủ tục điều chỉnh số kinh phí chuyển nguồn tại Điều 1 theo đúng quy định.

2/ Thời gian thực hiện và thanh toán các dự án trên đến hết ngày 31/12/2016.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Giám đốc Kho Bạc nhà nước tỉnh; thủ trưởng các sở, ngành, đơn vị, chủ đầu tư có tên tại điều 1 của quyết định này và các sở, ngành, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. 

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Đ/c Chủ tịch – UBND tỉnh;
- Các đ/c PCT – UBND tỉnh;
- Các PCVP-UBND tỉnh;
- Lưu VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hoàng



PHÁT TRIỂN NGUỒN VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỈNH, VỐN ĐẦU TƯ CÔNG KHÁC DO ĐỊA PHƯƠNG QUẢN LÝ NĂM 2015 XIN KÈO DÀI THANH TOÀN ĐẾN 31/12/2016 ĐIỀU CHỈNH THEO SỐ QUYẾT TOÀN

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2014	Kế hoạch vốn năm 2015	Khởi công thực hiện từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Giải ngân từ 01/01/2015 đến 31/01/2016	Kế hoạch vốn năm 2015 thanh toán không kết xin kéo dài, chuyển nguồn sang năm 2016 tiếp tục thực hiện theo QĐ số 235/QĐ-UBND ngày 12/4/2016.	Kế hoạch điều chỉnh số kinh phí chuyển nguồn từ năm 2015 sang năm 2016 (sau quyết toán)	Chủ đầu tư	Ghi chú	
				TMDT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành									
TỔNG SỐ														
1	Vốn cân đối ngân sách tỉnh đầu tư					1.508.793	19.700	37.082,00	26.759,40	20.291,70	36.790,300	32.380.429		
1	Vốn CBĐT dự án Đường nội thị TP Pleiku	Pleiku	2016-2020			220.000		990,00			990,000	990,000	UBND TP Pleiku	
2	Vốn CBĐT dự án Đường Nguyễn Văn Linh	Pleiku	2016-2020			160.000		700,00			700,000	700,000	UBND TP Pleiku	
3	Vốn CBĐT dự án Đường liên xã Ia Mơ Nông, Ia Phi, Ia Ly	Chư Păh	2016-2020			80.000		350,00			350,000	350,000	UBND huyện Chư Păh	
4	Vốn CBĐT dự án Đường nối QL 25 đến tỉnh lộ 666 (Đoạn từ Tru sở UBND xã Chư A Thau đến tỉnh lộ 666)	Phù Thiện	2016-2020			80.000		350,00			350,000	350,000	UBND huyện Phù Thiện	
5	Đường liên huyện từ xã Thành An (An Khê) đến xã Kôn Bia và Dak Hơ (Kbang)	An Khê - Kbang	2016-2020			80.000		350,00			350,000	350,000	Sở GTVT	
6	Vốn CBĐT dự án Đường nội thị Thị xã An Khê	An Khê	2016-2020			80.000		350,00			350,000	350,000	UBND TX An Khê	
7	Vốn CBĐT dự án Đường nội thị, thị xã Ayun Pa	Ayun Pa	2016-2020			110.000		500,00			500,000	500,000	UBND TX Ayun Pa	
8	Vốn CBĐT dự án Hạ tầng cụm công nghiệp An Khê	An Khê	2016-2020			50.000		200,00			200,000	200,000	UBND thị xã An Khê	
9	Vốn CBĐT dự án Hệ thống lò đốt xử lý rác thải của các thị trấn, thị xã, thành phố	16 huyện, thị xã, thành phố	2016-2020			50.000		200,00			200,000	200,000	Sở TNMT	

Ghi chú

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế đã bố trí vốn đến 31/12/2014	Kế hoạch vốn năm 2015	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Giải ngân từ 01/01/2015 đến 31/01/2016	Kế hoạch vốn năm 2013 thanh toán không kết xin kéo dài, chuyển nguồn sang năm 2016 tiếp tục thực hiện theo QĐ số 255/QĐ-UBND ngày 12/4/2016.	Kế hoạch điều chỉnh số kinh phí chuyển nguồn từ năm 2015 sang năm 2016 (sau quyết toán)	Chủ đầu tư
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMBT							
10	Vốn CBĐT dự án Đường từ trung tâm huyện đi các đơn vị biên phòng		2016-2020		121.000		500.000			500.000	500.000	BCH Bộ đội BP tỉnh
11	Vốn CBĐT dự án Đường nội thị thị trấn Chư Ty - Đường Phạm Văn Đồng	Đức Cơ	2016-2017		18.000		100.000			100.000	100.000	UBND huyện Đức Cơ
12	Vốn CBĐT dự án Đường nội thị thị trấn Đắk Đoa	Đắk Đoa	2016-2018		40.000		200.000			200.000	200.000	UBND huyện Đắk Đoa
13	Vốn CBĐT dự án Đường nội thị huyện Chư Sê	Chư Sê	2016-2018		35.000		150.000			150.000	150.000	UBND huyện Chư Sê
14	Vốn CBĐT dự án Đầu tư tăng cường năng lực Trung tâm Ứng dụng và chuyển giao công nghệ	Pleiku	2016-2017		15.000		100.000	67,70		100.000	100.000	Sở Khoa học và Công nghệ
15	Vốn CBĐT dự án Xây dựng các dịch vụ công trực tuyến ở mức 3, 4 trên cổng thông tin điện tử của tỉnh	Các huyện, TX, TP	2016-2017		15.000		100.000			100.000	100.000	Sở Thông tin Truyền thông, Công an tỉnh và các Sở, ngành
16	Vốn CBĐT dự án Trường THCS xã Chư Pong (tách trường)	Chư Sê	2016-2017		15.000		100.000			100.000	100.000	UBND huyện Chư Sê
17	Vốn CBĐT dự án Trường THCS Lê Quý Đôn, xã Yang Trung (tách trường)	Kông Chro	2016-2018		15.000		100.000			100.000	100.000	UBND huyện Kông Chro
18	Vốn CBĐT dự án Nâng cấp trường phổ thông dân tộc nội trú Kông Chro	Kông Chro	2016-2018		25.000		100.000			100.000	100.000	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh

Handwritten signature



TT	Dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lấy kế đã bố trí vốn đến	Kế hoạch vốn năm 2015	Khởi công thực hiện từ đến	Giải ngân từ đến	Kế hoạch vốn năm 2015 thành toán không hết xan kéo dài, chuyển nguồn sang năm 2016 tiếp tục thực hiện theo QĐ số 255/QĐ-UBND ngày 12/4/2016.	Kế hoạch điều chỉnh số kinh phí chuyển nguồn từ năm 2015 sang năm 2016 (sau quyết toán)	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT								
19	Vốn CBĐT dự án Nâng cấp trường phổ thông dân tộc nội trú Krông Pa	Krông Pa	2016-2018			31/12/2014	100,00	01/01/2015 đến 31/12/2015	01/01/2015 đến 31/01/2016		100,000	Ban quản lý dự án ETXD các công trình DD và CN tỉnh	
20	Vốn CBĐT dự án Tru sở UBND huyện Ia Grai	Ia Grai	2016-2017				100,00				100,000	UBND huyện Ia Grai	
21	Vốn CBĐT dự án Đầu tư các xã biên giới huyện Đăc Cù	Đăc Cù	2016-2020				130,00				130,000	UBND huyện Đăc Cù	
22	Vốn CBĐT dự án Đầu tư các xã biên giới huyện Ia Grai	Ia Grai	2016-2020				100,00				100,000	UBND huyện Ia Grai	
23	Vốn CBĐT dự án Đầu tư các xã biên giới Chư Prông	Chư Prông	2016-2020				100,00				100,000	UBND huyện Chư Prông	
24	Vốn CBĐT dự án Trường THPT Sơn Laang, huyện Khang (xây mới tại xã Sơn Laang)	Khang	2016-2018				100,00				100,000	Ban quản lý dự án ĐTXD các công trình DD và CN tỉnh	
25	Vốn ngân sách tỉnh đối ứng dự án ODA - Dự án phát triển liên nghiệp để cải thiện đời sống vùng Tây Nguyên	10 xã thuộc 4 huyện: Krông Pa, Ia Pa, Kông Chro, Khang	2007-2014				4.600,00	1.748,00	1.748,00		2.852,000	Số NN PTNT	
26	Vốn ngân sách tỉnh đối ứng dự án ODA - Dự án giảm nghèo khu vực tây nguyên	Krông Pa, Ia Pa, Khang, Kông Chro, Mang Yang	2013-2018				412,00				412,000	Số KHĐT	

Handwritten signature or mark.

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư		Lũy kế đã bỏ tri vốn đến 31/12/2014	Kế hoạch vốn năm 2015	Khối lượng thực hiện từ 01/01/2015 đến 31/12/2015	Giải ngân từ 01/01/2015 đến 31/01/2016	Kế hoạch vốn năm 2015 thành toán không liệt kê xin kéo dài, chuyển nguồn sang năm 2016 tiếp tục thực hiện theo QĐ số 255/QĐ-UBND ngày 12/4/2016.	Kế hoạch điều chỉnh số kinh phí chuyển nguồn từ năm 2015 sang năm 2016 (sau quyết toán)	Chủ đầu tư	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDBT								
27	Đường D2 khu lâm viên Biển Hồ	Pleiku	2015	1541/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	6.298		5.700,00	3.047,45	3.047,45	2.652,550	2.652,547	UBND TP Pleiku	Số dư thực tế còn lại sau quyết toán
28	Cải tạo nâng cấp hệ thống chiếu sáng thành phố Pleiku	Pleiku	2015-2018	961/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	60.000		12.000,00	5.246,25	5.246,25	6.753,750	6.753,745	UBND TP Pleiku	Số dư thực tế còn lại sau quyết toán
II	Tiền sử dụng đất tình đầu tư				16.140	0	5.600,00	7.000,00	600,00	5.000,000	600,930		
1	Đường Hùng Vương thị xã Ayun Pa (đoạn từ Trần Hưng Đạo đến Hai Bà Trưng)	Ayun Pa	2015-2016	956/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	16.140		5.600,00	7.000,00	600,00	5.000,000	600,930	UBND TX Ayun Pa	Thực tế vốn cấp từ số thu tiền sử dụng đất năm 2015 cho dự án là 1.200,93 triệu đồng. Giải ngân 600 triệu đồng, phần vốn còn lại là 600,930 triệu đồng.
III	Vốn tăng thu kết dư				25.264	0	22.700,00	9.650,00	9.650,00	13.050,000	13.050,304		
1	Bê bon nhà thi đấu thể thao	Pleiku	2015	173/QĐ-SKHBT ngày 31/12/2014	9.915		9.915,00	8.813,00	8.813,00	1.102,000	1.102,044	Sở Xây dựng	Số dư thực tế còn lại sau quyết toán
2	Đập thôn 3-1, Xã Tân Bình	Đắk Đoa	2015-2016	459/QĐ-UBND 26/05/2015	15.349		12.785,00	837,00	837,00	11.948,000	11.948,260	UBND huyện Đắk Đoa	Số dư thực tế còn lại sau quyết toán

Handwritten signature